TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2020/DS-ST
Ngày 26-10-2020
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tấn;
Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Anh Đào;
Bà Ngô Thị Oanh Kiều;

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiết Thị Long, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa: Ông Trầm Văn Mừng, kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2020/TLST-DS, ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2020/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Quỹ tín dụng nhân dân Đ. Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật bà Trần Thị H, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Ủy quyền tham gia tố tụng cho anh Trần Thanh Ng, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Sơn N, sinh năm 1957;

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Kiên Thị Ch, sinh năm 1960;
Cùng địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Ông Sơn N ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Kiên Thị Ch (có mặt).

Người phiên dịch tiếng khmer: Ông Thạch D. Địa chỉ: A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2019, quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Đ là anh Trần Thanh Ng trình bày: Nguyên vào ngày 13/12/2017 bị đơn ông Sơn N đến Quỹ tín dụng nhân dân Đ lập Hợp đồng tín dụng số 19***/HĐTD ngày 15/12/2017 để vay số

tiền 207.000.000 đồng. Thời hạn vay của Hợp đồng là 12 tháng, lãi trong hạn 1%/tháng, lãi quá hạn 1,5%/tháng, mục đích vay là để mua bán. Để đảm bảo cho khoản vay này, ông Sơn N có lập Hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất thửa số 777, tờ bản đồ số 3, diện 4.160m^2, đất tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, do ông Sơn N đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi vay ông Sơn N không có trả vốn gốc, cũng như trả lãi theo Hợp đồng. Hiện nay ông Sơn N đã vi phạm hợp đồng vay vốn ký kết với Quỹ tín dụng nhân dân Đ, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vốn và tiền lãi đúng hạn.

Nay Quỹ tín dụng nhân dân Đ yêu cầu ông Sơn N, bà Kiên Thị Ch phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ vốn gốc là 207.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 364 ngày bằng 25.116.000 đồng, nợ lãi quá hạn 682 ngày bằng 70.587.000 đồng. Với tổng số tiền là 302.703.000 đồng và lãi phát sinh (của số tiền vốn vay) cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 09/10/2020, quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Sơn N trình bày: Ông thừa nhận có vay của Quỹ tín dụng nhân dân Đ tổng số tiền là 200.000.000 đồng và 7.000.000 đồng tiền lãi, cộng lại là 207.000.000 đồng, có thế chấp bằng quyền sử dụng đất do ông đứng tên. Trước đây vợ ông là bà Kiên Thị Ch có liên hệ Quỹ tín dụng trả số tiền gốc nhưng Quỹ tín dụng không nhận tiền. Đến nay gia đình không có tiền trả nên ông đồng ý giao đất thế chấp cho Quỹ tín dụng muốn làm gì làm. Nay ông xin đến tháng 4/2021 bán đất trả số tiền 240.000.000 đồng là dứt nợ.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 27/02/2020, quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Kiên Thị Ch trình bày: Bà thống nhất ý kiến của chồng là ông Sơn N chỉ đồng ý trả số tiền 240.000.000 đồng là dứt nợ.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cụ thể như sau:

- Về thẩm quyền thụ lý, quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng xác định đúng quy định tại khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 68; Điều 75 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về thu thập chứng cứ đúng trình tự tại Điều 97, 98 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định tại các Điều 196, 208, 220 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về thời hạn gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử vi phạm tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Đối với người tham gia tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người đại diện ủy quyền từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71,72, 73 và Điều 85,86 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tiến hành hòa giải và tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định các Điều 205, 208, 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3, Điều 26 và các Điều 35, 39, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Sơn N, bà Kiên Thị Ch phải liên đới trả số tiền đã vay là 207.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 364 ngày bằng 25.116.000 đồng, nợ lãi quá hạn 682 ngày bằng 70.587.000 đồng. Với tổng số tiền là 302.703.000 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả xong số tiền vay theo hợp đồng và án phí dân sự do bị đơn ông Sơn N và người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Kiên Thị Ch là người dân tộc sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn giảm tiền án phí nên đề nghị miễn án phí cho bị đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Đ yêu cầu ông Sơn N, bà Kiên Thị Ch phải liên đới trả số tiền vay gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 19***/HĐTD ngày 15/12/2017 nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*; Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Trà Cú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú theo quy định tại khoản 3, Điều 26; khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 36; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Theo Hợp đồng tín dụng số 19***/HĐTD ngày 15/12/2017 thể hiện Quỹ tín dụng nhân dân Đ có cho ông Sơn N và vợ là bà Kiên Thị Ch vay số tiền gốc 207.000.000 đồng, mục đích để mua bán, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay trong hạn là 1%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 1,5%/tháng. Kể từ ngày vay đến nay thì bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Trong quá trình giải quyết ông Sơn N và bà Kiên Thị Ch cũng thừa nhận có vay số tiền gốc 207.000.000 đồng nhưng chỉ đồng ý trả số tiền gốc, lãi là 240.000.000 đồng là dứt nợ.

Tính đến ngày 26/10/2020 tổng số tiền Quỹ tín dụng yêu cầu trả là 302.703.000 đồng (trong đó vốn gốc là 207.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 25.116.000 đồng, nợ lãi quá hạn 70.587.000 đồng).

Nhận thấy, việc vay nợ của các bên có lập thành Hợp đồng rõ ràng, quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn không có thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký nên đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo khoản 1, Điều 5 của Hợp đồng số 19***/HĐTD ngày 15/12/2017 có nêu rõ *"Quỹ tín dụng có quyền khởi kiện khi bên B vi phạm Hợp đồng tín dụng."*

Do đó, việc Quỹ tín dụng nhân dân Đ yêu cầu ông Sơn N và bà Kiên Thị Ch phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ theo Hợp đồng tín

dụng số 19***/HĐTD ngày 15/12/2017 với tổng số tiền tính đến ngày 26/10/2020 yêu cầu trả là 302.703.000 đồng (trong đó vốn gốc là 207.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 25.116.000 đồng, nợ lãi quá hạn 70.587.000 đồng). Đồng thời, yêu cầu phải chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ là có căn cứ chấp nhận.

Đối với ý kiến của ông N, bà Ch chỉ đồng ý trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền 240.000.000 đồng là dứt nợ là không có cơ sở chấp nhận. Đồng thời tại phiên tòa bà Kiên Thị Ch nại ra có đóng lãi cho Quỹ tín dụng 50.000.000 đồng nhưng trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ông N và bà Ch không cung cấp các chứng cứ phần lãi đã trả cho Quỹ tín dụng, đồng thời tại phần hỏi tại phiên tòa về cung cấp chứng cứ thì bà Kiên Thị Ch không có cung cấp chứng cứ gì thêm. Do vậy việc nại ra có đóng lãi cho nguyên đơn là không có căn cứ. Đồng thời đại diện nguyên đơn khẳng định sau khi vay tiền cho đến nay ông N, bà Ch chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi.

Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 13/12/2017 thửa số 777, tờ bản đồ số 3, diện 4.160m^2, đất tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, do ông Sơn N đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Quỹ tín dụng nhân dân Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bằng 15.135.150 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự nhưng do ông N, bà Ch là người dân tộc sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn nộp án phí. Nên căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn nộp án phí cho ông N, bà Ch. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 92; Điều 144; khoản 1, Điều 147; Điều 184; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 429; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Đ.

Buộc bị đơn ông Sơn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Kiên Thị Ch liên đới trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền 302.703.000 đồng (trong đó vốn gốc là 207.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 25.116.000 đồng, nợ lãi quá hạn 70.587.000 đồng).

Kể từ ngày 27/10/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 19***/HĐTD ngày 15/12/2017 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Sơn N, bà Kiên Thị Ch là người dân tộc sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn nộp án phí.

Quỹ tín dụng nhân dân Đ không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước bằng 6.718.000 đồng theo biên lai thu số 00069** ngày 10/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã lý và đóng dấu)

Trần Văn Tấn